TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/12/2021

V/v: Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

I. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn H.

2. Các Hội thẩm nhân dân:

2.1. Bà Vũ Thị T;

2.2. Bà Lê Thị O.

II. Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh L– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

II. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên: Bà Đặng Thị H- Kiểm sát viên.

Ngày 15/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 34/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 24/11/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thu H, sinh năm 1995, *(vắng mặt).*

Quê quán, hiện trú tại: Thôn K H, xã L K, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; HKTT: Thôn K T, xã Đ T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1991, *(vắng mặt).*

Quê quán, HKTT: Thôn K T, xã Đ T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại số 1 – Trại giam Thanh Xuân.

Địa chỉ: Xã M H, huyện T O, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Hoàng Gia B1, sinh ngày 30/10/2015; HKTT: Thôn K T, xã Đ T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Hiện ở: Thôn K H, xã L K, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, *(vắng mặt)*.

4. Người làm chứng: Bà Phan Thị L, sinh năm 1952; Trú tại: Thôn K H, xã L K, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn B, sinh năm 1991 người ở Thôn K T, xã Đ T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, hai bên có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại trụ sở UBND xã Đ T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/01/2015. Sau khi kết hôn chị chuyển về gia đình nhà chồng chung sống và chuyển đăng ký hộ khẩu thường trú nhập về địa phương xã Đ T cho đến nay. Tuy nhiên thời gian hai bên về chung sống không có sự hòa hợp, xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn từ năm 2018, thời điểm đó chị phát hiện anh B mắc nghiện chất ma túy, không chịu chăm lo làm ăn, mặc dù gia đình, người thân đã khuyên bảo nhiều nhưng không cải thiện được, đến cuối năm 2020 mâu thuẫn căng thẳng nên hai bên sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Đầu năm 2021 anh B vi phạm pháp luật, sau đó bị xử phạt tù về tội "Cướp giật tài sản" và hiện nay đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Sau khi đã suy xét kỹ lưỡng chị xác định hai bên không còn tình cảm và không thể hàn gắn, níu kéo thêm nên chị làm đơn xin giải quyết dứt điểm việc xin ly hôn với anh B. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án chị xác định không có ý kiến gì khác nên đã có đơn đề nghị Tòa án xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên thụ lý giải quyết vụ án: Ngày 03/11/2021 Tòa án đã làm việc, lấy lời khai của anh Hoàng Văn B tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên, trong đó anh B cho biết quan điểm như sau: Về quan hệ hôn nhân, điều kiện kết hôn cũng thống nhất như chị Hđã trình bầy. Sau khi kết hôn hai bên chung sống tại địa phương xã Đ T, huyện Khoái Châu nhưng quá trình vợ chồng chung sống không được hạnh phúc do quan điểm sống bất đồng, mặc dù gia đình, người thân đã động viên nhiều nhưng không cải thiện được. Bản thân anh do bạn bè rủ rê chơi bời nên tháng 4 năm 2021 đã vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp giật tài sản", hiện nay đang phải chấp hành án tại Trại

tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Nay chị H làm đơn xin ly hôn với anh, quan điểm của anh xác định nếu chị Hcương quyết thì anh cũng nhất trí vì cũng không còn biện pháp nào khác để cải thiện quan hệ, tình cảm vợ chồng. Đồng thời do hiện anh đang phải chấp hành án tại Trại giam không thể ra ngoài nên anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh như quan điểm anh đã khai.

Về con chung: Chị Hvà anh B đều khẳng định trong thời gian hai bên chung sống đến nay có 01 con chung, cháu tên là Hoàng Gia B1, sinh ngày 30/10/2015 và hiện cháu đang sống cùng chị Hà. Ngoài ra hai bên không nhận con nuôi hay có con riêng nào khác. Quan điểm của chị Hxác định nếu ly hôn chị xin nhận tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bảo cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh B phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét, giải quyết. Quan điểm của anh B: Do điều kiện anh đang phải chấp hành án phạt tù nên anh chấp nhận tạm giao con cho chị Hnuôi dưỡng, sau khi anh về sẽ làm thủ tục xin thay đổi nuôi con sau. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Anh đề nghị theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Chị Hvà anh B đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Tại các tài liệu các bên đương sự cung cấp, cũng như nội dung xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương xã Đ T, cùng lời khai của người làm chứng cho thấy: Thống nhất như lời khai của chị H và anh B.

Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ ra xét xử và chuyển qua trại giam để tống đạt cho anh Hoàng Văn B thì nhận được phản hồi cho biết kể từ ngày 26/11/2021 anh B đã được chuyển đến chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bên đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa và không có yêu cầu thay đổi, bổ sung gì khác chuyển Tòa án so với quan điểm đã trình bày trước đây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Cần xử cho chị Phan Thị Thu H được ly hôn với anh Hoàng Văn B.

- Về con chung: Cần xử giao cháu Hoàng Gia B1, sinh ngày 30/10/2015 cho chị Htiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 15/12/2021 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn anh Hoàng Văn B được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị Hvà anh Bđối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết.

- Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Hphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện xin giải quyết ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS 2015 xác định đây là vụ án về hôn nhân và gia đình trong đó tranh chấp về ly hôn. Nguyên đơn và bị đơn đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã Đ T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên nên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

[2] Về thành phần người tham gia tố tụng: Thành phần người tham gia tố tụng (nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng) đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn, cũng như quan điểm đề nghị xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 của BLTTDS 2015 vụ án được đưa ra xét xử đảm bảo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Qua tài liệu các bên cung cấp, Tòa án thu thập xác minh cho thấy việc chị Phan Thị Thu H và anh Hoàng Văn B kết hôn với nhau là tự

nguyện, tự do tìm hiểu và có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Đ T, huyện Khoái Châu, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/01/2015 (số: 05/2015; quyển số: 01/2014). Do vậy quan hệ hôn nhân của chị Hvà anh Blà hợp pháp, đã được pháp luật công nhận. Trong thời gian hai bên chung sống xẩy ra nhiều bất đồng về mọi vấn đề trong cuộc sống, dẫn tới căng thẳng trong thời gian dài. Mặc dù đã được gia đình, người thân khuyên bảo nhiều nhưng vẫn không cải thiện được mối quan hệ. Đến nay cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, níu kéo thêm nên đều nhất trí xin được ly hôn nhau. Do đó, cần xử cho chị Hđược ly hôn với anh Btheo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung*: Chị Hvà anh Bcó 01 con chung, cháu tên là Hoàng Gia B1, sinh ngày 30/10/2015 và hiện cháu đang sống cùng chị Hà. Quan điểm của chị Hxác định nếu ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Quan điểm của anh Bxác định do điều kiện anh đang phải chấp hành án phạt tù nên nếu ly hôn anh chấp nhận tạm giao con cho chị Hnuôi dưỡng, sau khi anh về sẽ làm thủ tục xin thay đổi nuôi con sau. Xét điều kiện hiện anh Bđang phải chấp hành án phạt tù không thể chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bảo. Vì vậy cần xử giao cháu Bảo cho chị Htiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 15/12/2021 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung chị Hkhông yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn anh Hoàng Văn B có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

[3.3] *Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Chị Hvà anh Bđều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

***[4] Về án phí*:** Chị Hphải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***[5] Về quyền kháng cáo*:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a

khoản 5 Điều 27- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Thu H được ly hôn với anh Hoàng Văn B.

3. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Hoàng Gia B1, sinh ngày 30/10/2015 cho chị Htiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 15/12/2021 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn anh Hoàng Văn B có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Hphải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Hđã nộp theo Biên lai thu số 0007554 ngày 27/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ T;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn H